BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2018/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số vấn đề đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ (sau đây gọi là đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng); trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản (sau đây gọi là Trung tâm Đăng ký) của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan thi hành án dân sự), Văn phòng thừa phát lại.

3. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; phương tiện giao thông đường sắt; phương tiện thủy nội địa; tàu cá nêu tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 102/2017/NĐ-CP).

4. Cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân, pháp nhân) có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tìm hiểu thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

5. Cá nhân, pháp nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin của Trung tâm Đăng ký

1. Trung tâm Đăng ký có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Trung tâm Đăng ký thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo yêu cầu của cá nhân, pháp nhân trong phạm vi cả nước, không phân biệt theo địa giới hành chính nơi Trung tâm Đăng ký đặt trụ sở.

Cá nhân, pháp nhân có quyền lựa chọn một trong các Trung tâm Đăng ký để thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 4. Trách nhiệm trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký

1. Trung tâm Đăng ký có trách nhiệm gửi thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông đến một trong các cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản nêu tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này trong trường hợp người yêu cầu đăng ký có phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông và nộp phí theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành viên có trách nhiệm gửi Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, Thông báo giải tỏa kê biên tài sản thi hành án là phương tiện giao thông hoặc các động sản khác, trừ tàu bay, tàu biển đến một trong các Trung tâm Đăng ký.

Ngay trong ngày ký Quyết định kê biên tài sản hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm gửi Thông báo việc kê biên

tài sản hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án dân sự đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để kịp thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu về công chứng theo quy định.

3. Việc trao đổi thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 5. Các trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng

1. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu tại Trung tâm Đăng ký bao gồm các trường hợp sau đây:

a) Thế chấp động sản, trừ tàu bay, tàu biển bao gồm cả thế chấp động sản hình thành trong tương lai;

b) Bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản là động sản, trừ tàu bay, tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu;

c) Thay đổi, sửa chữa sai sót, xoá đăng ký biện pháp bảo đảm đã đăng ký nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

d) Văn bản thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm đối với biện pháp bảo đảm đã đăng ký.

2. Các hợp đồng (trừ hợp đồng thuê mua tàu bay dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không, hợp đồng cho thuê tài chính đối với tàu bay theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính, hợp đồng thuê mua tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng hải, hợp đồng cho thuê tài chính đối với tàu biển mà không thuộc trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 39 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở) được đăng ký theo yêu cầu bao gồm:

a) Hợp đồng thuê tài sản có thời hạn từ một năm trở lên hoặc hợp đồng có thời hạn thuê tài sản dưới một năm, nhưng các bên giao kết hợp đồng thỏa thuận về việc gia hạn và tổng thời hạn thuê (bao gồm cả thời hạn gia hạn) từ một năm trở lên;

b) Hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính;

c) Hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ, bao gồm quyền đòi nợ hiện có hoặc quyền đòi nợ hình thành trong tương lai;

d) Thay đổi, sửa chữa sai sót, xoá đăng ký hợp đồng đã đăng ký nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 6. Tài sản thuộc trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng

Các tài sản bảo đảm được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký theo yêu cầu, gồm:

1. Ô tô, xe máy, các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác; các phương tiện giao thông đường sắt.

2. Tàu cá; các phương tiện giao thông đường thủy nội địa.

3. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các hàng hoá khác, kim khí quý, đá quý.

4. Tiền Việt Nam, ngoại tệ.

5. Phần vốn góp trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ quỹ, séc và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch; các khoản phải thu hợp pháp của cá nhân, pháp nhân.

7. Các quyền tài sản theo quy định tại Điều 115 Bộ luật dân sự, trừ quyền sử dụng đất, gồm:

a) Quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền đòi nợ; quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên; quyền được bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng;

b) Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đóng tàu biển; quyền bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng mua bán tàu bay, tàu biển; quyền thụ hưởng bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với tàu bay, tàu biển;

c) Các quyền tài sản là quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở, hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh nhà ở, hợp đồng cho thuê, hợp đồng cho thuê mua nhà ở (bao gồm cả nhà ở xã hội) giữa tổ chức với cá nhân hoặc giữa tổ chức, cá nhân với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong dự án xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; các quyền tài sản là quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm phát sinh từ hợp đồng mua bán, hợp đồng góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, hợp đồng cho thuê, hợp đồng cho thuê mua công trình xây dựng giữa tổ chức với cá nhân hoặc giữa tổ chức, cá nhân với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong dự án xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

d) Quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật.

8. Lợi tức, quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm hoặc các lợi ích khác thu được từ tài sản bảo đảm nêu tại Điều này; lợi tức thu được từ việc khai thác tàu bay, tàu biển; lợi tức thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu, các khoản phí mà chủ đầu tư thu được trong quá trình đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án xây dựng nhà ở, dự án xây dựng công trình.

9. Các động sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Bộ luật dân sự.

10. Nhà ở, công trình xây dựng khác được xây dựng tạm thời không được chứng nhận quyền sở hữu quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai như: tài sản được xây dựng tạm thời trong thời gian xây dựng công trình chính hoặc xây dựng bằng vật liệu tranh tre, nứa, lá, đất; công trình phụ trợ nằm ngoài phạm vi công trình chính và để phục vụ cho việc quản lý, sử dụng, vận hành công trình chính; hoặc các tài sản gắn liền với đất khác mà pháp luật chưa có quy định về chứng nhận quyền sở hữu như: nhà thép tiền chế, khung nhà xưởng, nhà lưới, nhà màng; giếng nước; giếng khoan; bể nước; sân; tường rào; cột điện; trạm điện; trạm bơm, hệ thống phát, tải điện; hệ thống hoặc đường ống cấp thoát nước sinh hoạt; đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

Điều 7. Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm

Mỗi cá nhân, pháp nhân được Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp cấp một (01) mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm để thực hiện việc đăng ký đối với biện pháp bảo đảm, hợp đồng do chính cá nhân, pháp nhân đó xác lập.

Điều 8. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

1. Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

2. Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký.

3. Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót.

4. Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm.

5. Phiếu yêu cầu xóa đăng ký.

6. Phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký.

7. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản để thi hành án dân sự.

8. Phiếu yêu cầu cấp mã pin.

9. Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

10. Văn bản cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án.

11. Văn bản thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án.

12. Văn bản thông báo về việc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án.

13. Văn bản xác nhận việc trao đổi thông tin về kê biên, giải tỏa việc kê biên tài sản thi hành án.

14. Phiếu yêu cầu khôi phục kết quả đăng ký trực tuyến.